

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24/6/2020

V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Thắng;

2. Bà Phạm Thị Em.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Trần Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 112/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24^b/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thu H, sinh năm: 1980;

Địa chỉ: thôn Hòa Quân, xã Minh Quân, huyện Trần Yên, tỉnh Yên Bái.

Địa chỉ liên lạc: ấp A, xã B, huyện C, TP HCM.

2. Bị đơn: anh Nguyễn Minh T, sinh năm: 1982; (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp D, xã E, huyện C, tỉnh Bến Tre.

(Chị H có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03 tháng 3 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thu H trình bày:

Chị Nguyễn Thu H và anh Nguyễn Minh T tự nguyện kết hôn vào năm 2003. Chị H, anh T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống hạnh phúc đến đầu năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nữa. Khi xảy ra mâu thuẫn anh chị đã cố gắng tìm cách tháo gỡ mâu thuẫn; gia đình hai bên biết vợ chồng chị bất hòa đã hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Chị H, anh T đã ly thân từ năm 2011 đến nay. Trong thời gian ly thân cả hai

không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai người nấy sống, tình hình sức khỏe, cuộc sống, sinh hoạt của nhau không ai biết đến ai. Nay chị H xác định không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: anh chị có 01 con chung tên là Nguyễn Minh T, sinh ngày 18/9/2003. Hiện nay cháu T đang sống với anh T. Sau khi ly hôn chị H đồng ý cho anh T tiếp tục nuôi con, chị H cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chị H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho chị sau khi ly hôn.

Hiện nay chị H đang làm công nhân ở TP HCM nên chị không thể đến tham dự các phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa sơ thẩm của Tòa án được. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, chị H không có khiếu nại về sau.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Minh T trình bày:

Anh T, chị H không chung sống với nhau đã 10 năm. Nguyên nhân do nợ chung quá nhiều và anh T phát hiện chị H có bạn trai nhắn tin với nhau qua điện thoại, từ đó anh chị ly thân cho đến nay. Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị H anh T không đồng ý vì nợ chung còn nhiều.

Về con chung: anh chị có 01 con chung là Nguyễn Minh T, sinh ngày 18/9/2003, anh T đồng ý tiếp tục nuôi con và đồng ý chị H cấp dưỡng nuôi con với mức 700.000 đồng/tháng.

Tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: anh chị có nợ của dì ba Loan số tiền 8.000.000 đồng, chị ba Gành 45.000.000 đồng. Tổng cộng vợ chồng anh còn nợ 53.000.000 đồng. Anh T yêu cầu chị H có trách nhiệm trả 1/2 số nợ trên. Về họ tên, năm sinh, địa chỉ cụ thể của những người anh chị mắc nợ anh T sẽ cung cấp cho Tòa án tại phiên hòa giải ngày 12/5/2020.

Đối với yêu cầu của anh T yêu cầu chị H trả 1/2 số nợ nêu trên chị H không đồng ý.

Anh T đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời trình bày của anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Ngày 03/3/2020, chị Nguyễn Thu H khởi kiện tại Toà án nhân dân huyện Châu Thành yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Minh T. Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện, vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp về việc “Ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị H có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh T là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Đối với yêu cầu ly hôn của chị H*:

Chị H, anh T tự nguyện kết hôn vào năm 2003 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, anh chị được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/4/2003. Chứng cứ này là có cơ sở nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, thời gian đầu vợ chồng chị sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị H do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, còn theo anh T do vợ chồng anh mắc nợ nhiều, chị H có bạn trai nên dẫn đến vợ chồng anh mất hạnh phúc. Khi xảy ra mâu thuẫn, anh chị đã cố gắng tìm cách tháo gỡ, gia đình hai bên biết vợ chồng chị bất hòa đã khuyên nhủ hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Từ năm 2011 chị H, anh T đã ly thân đến nay. Trong thời gian ly thân cả hai không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai người nấy sống, tình hình sức khỏe, cuộc sống, sinh hoạt của nhau không ai biết đến ai. Chị H xác định không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Đối với anh T không đồng ý ly hôn nhưng lý do anh T không đồng ý là do vợ chồng anh còn nợ nhiều, anh T yêu cầu chị H có trách nhiệm trả 1/2 số nợ, không phải do vợ chồng anh còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn chưa trầm trọng, khả năng hàn gắn vẫn còn. Anh T, chị H đều xác định anh chị đã ly thân từ năm 2011 đến nay, thời gian anh chị ly thân đã đủ dài để anh chị xác định tình cảm của cả hai dành cho nhau cũng như cải thiện mối quan hệ của vợ chồng anh chị. Tuy nhiên, hiện nay anh T với chị H vẫn còn ly thân, mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Ngoài ra, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này có cơ sở khẳng định anh T không còn tha thiết và không mong muốn, cố gắng duy trì tiếp tục mối quan hệ hôn nhân với chị H nên có căn cứ xác định tình trạng của vợ chồng chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần

chấp nhận yêu cầu của chị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về nuôi con chung: anh T, chị H có 01 con chung là Nguyễn Minh T, sinh ngày 18/9/2003. Hiện nay cháu T đang sống với anh T. Khi ly hôn chị H đồng ý cho anh T được tiếp tục nuôi cháu T. Đối với yêu cầu này của chị H, anh T đồng ý nên ghi nhận. Cháu T cũng có mong muốn được tiếp tục sống với anh T. Cần giao cháu T cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình và nguyện vọng của cháu T. Tuy nhiên, vì lợi ích của con chung sau này, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con.

[4] Về cấp dưỡng: anh T đồng ý cho chị H cấp dưỡng nuôi con là 700.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho anh T với mức 1.000.000 đồng/tháng nên ghi nhận. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Vì lợi ích của con chung sau này, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về chia tài sản chung: anh T, chị H xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: anh T cho rằng trong thời kỳ hôn nhân anh chị có nợ của đi ba Loan số tiền 8.000.000 đồng, chị ba Gàng 45.000.000 đồng. Tổng cộng vợ chồng anh còn nợ 53.000.000 đồng. Anh T yêu cầu chị H có trách nhiệm trả 1/2 số nợ trên. Đối với các khoản nợ chung này chị H không đồng ý, chị H cho rằng thời gian vợ chồng chị sống chung không có nợ ai, còn số tiền anh T mắc nợ là nợ cờ bạc chị không biết và không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của anh T. Xét thấy, anh T trình bày vợ chồng anh có nợ của những người nêu trên nhưng khi Tòa án yêu cầu anh T cung cấp họ tên, năm sinh, địa chỉ cụ thể của những người anh T trình bày vợ chồng anh còn mắc nợ để làm rõ sự việc anh T trình bày nhưng anh T không cung cấp cho Tòa án nên không có căn cứ xem xét.

Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho chị sau khi ly hôn.

[7] Về án phí: chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thu H xin ly hôn đối với anh Nguyễn Minh T;

* Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thu H với anh Nguyễn Minh T.

* Về nuôi con chung: giao con chung là Nguyễn Minh T, sinh ngày 18/9/2003 cho anh Nguyễn Minh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận chị Nguyễn Thu H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Minh T với mức cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng (Một triệu đồng/tháng). Thời gian cấp dưỡng bắt đầu tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thu H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

* Về chia tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về nợ chung: chị Nguyễn Thu H xác định không có, anh Nguyễn Minh T xác định có nợ chung nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh nên chưa đủ cơ sở để xem xét giải quyết trong vụ kiện này.

Ghi nhận chị Nguyễn Thu H không yêu cầu anh Nguyễn Minh T cấp dưỡng cho chị sau khi ly hôn.

2. Về án phí: chị Nguyễn Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009841 ngày 10/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, chị Nguyễn Thu H và anh Nguyễn Minh T vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- UBND xã B;
- Chi cục THA DS huyện Châu Thành;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Minh Trung